

Bản án số: 120/2025/HS-ST
Ngày 13 – 5 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Ngọc Thủy
- Ông Lê Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Quách Minh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn B**, giới tính: N; sinh năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: A, Khu phố A, Thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện tại: A, Khu phố A, Thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh N1; bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 người con; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/11/2024 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc A**, giới tính: N; sinh năm 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 79/3 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở trước khi bị bắt: A đường C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sáu N2 và bà Tăng Hồng L1 (đã

chết); bị cáo là duy nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2024.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Trọng T**, giới tính: Nam; sinh năm 1996 tại Thành phố Cần Thơ; nơi thường trú: 4 Khu V K, Phường P, quận C, Thành phố Cần Thơ; chỗ ở hiện tại: 407/316 Khu vực K, Phường P, quận C, Thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh L2 và bà Đặng Thị Kim L3; bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 03 người con; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/11/2024 ngày 13/02/2025, bị áp dụng “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 13/02/2025 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Công ty TNHH T4

Địa chỉ: B N, ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị D - Chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: G L, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Địa chỉ: D ấp D, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Phạm Thị Phương T2, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: 2 H, phường L, Thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Ông Trần Phước H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: 247/80E/13 L, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ T3, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: D ấp D, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn T5 (Công ty T5), mã số thuế 0317451410, đã đăng ký và được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy đăng ký kinh doanh số: 0317451410, địa chỉ: B Quốc lộ A, Ấp B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Văn B, chức vụ Giám đốc. Ngành nghề hoạt động kinh doanh: bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép. Từ ngày 09/8/2023

đến ngày 24/9/2023, Công ty T5 mua đồng phục học sinh trôi nổi và không có hóa đơn trên thị trường. Để hợp thức hóa nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa đầu vào không có hóa đơn giá trị gia tăng nhằm tăng chi phí đầu vào và làm giảm số thuế phải nộp, B đã mua 10 số hóa đơn giá trị gia tăng (hàng hóa ghi trên hóa đơn là đồng phục học sinh) của công ty trách nhiệm hữu hạn T4 (Công ty T4), ký hiệu hóa đơn là C23TYT, các số hóa đơn: 1026, 1260, 1414, 1465, 1499, 1613, 1650, 1657, 1759, 1816 của Nguyễn Ngọc Á có tổng giá trị hóa đơn chưa thuế là 257.938.000 đồng. Nguồn gốc của 10 số hóa đơn này, Á mua của Nguyễn Trọng T, T mua của người có tài khoản “Nguyễn L4” (không rõ nhân thân lai lịch) để hưởng lợi.

Ngày 25/01/2024, Chi cục thuế huyện B có Công văn số 528/CCTBC-KT2 về việc Công ty T4, mã số thuế: 0317881375, địa chỉ: B, N, Ấp B, xã T, huyện B có dấu hiệu vi phạm về thuế, hóa đơn, kê khai không đúng giá trị hàng hóa mua vào, bán ra, không có hóa đơn mua hàng hóa đầu vào nhưng có xuất hóa đơn đầu ra. Trong đó, từ ngày 16/6/2023 đến ngày 18/10/2023, Công ty T4 có xuất 10 hóa đơn giá trị gia tăng như trên cho Công ty T5 nên Chi cục thuế huyện B đã lập biên bản vụ việc và chuyển nguồn tin tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B xác minh, xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận như sau:

Nguyễn Văn B khai nhận là giám đốc Công ty T5, đã đăng ký kinh doanh và được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy đăng ký kinh doanh số: 0317451410, địa chỉ: B Quốc lộ A, Ấp B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào khoảng thời gian từ 09/8/2023 đến 24/9/2023, B đã mua 10 hóa đơn (hàng hóa là đồng phục học sinh) của Công ty T4 (ký hiệu hóa đơn là C23TYT, số hóa đơn: 1026, 1260, 1414, 1465, 1499, 1613, 1650, 1657, 1759, 1816) với giá tiền 9.027.000 đồng từ Nguyễn Ngọc Á. Tổng số tiền chưa VAT trên 10 số hóa đơn là 257.938.000 đồng, thuế VAT là 20.635.040 đồng, mục đích để hợp thức hóa chi phí đầu vào của số hàng hóa là đồng phục học sinh được B mua trôi nổi trên thị trường. B sử dụng tài khoản Ngân hàng số 7919869999 của B mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần P (O) chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng số 889887988 tên Nguyễn Ngọc Á mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (A) để mua 10 số hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên. Số hóa đơn trên đã bị C yêu cầu hủy bỏ và không kê khai chi phí đầu vào của Công ty T5 vào kỳ kê khai Quý III/2023. B khai nhận không biết Công ty T4 và không thực tế giao dịch mua hàng hóa với Công ty T4, nếu 10 hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên được chấp nhận thì B sẽ giảm được số tiền nộp thuế là 20.635.040 đồng.

Nguyễn Ngọc Á khai nhận: từ ngày 09/8/2023 đến 24/9/2023, Á đã mua 10 số hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên của Nguyễn Trọng T với số tiền 2.5% trên tổng hóa đơn giá trị gia tăng chưa tính VAT với giá 6.450.000 đồng, sau đó Á sử dụng tài khoản ngân hàng số 889887988 của Á mở tại Ngân hàng A chuyển số tiền 6.450.000 đồng vào tài khoản ngân hàng S, tên Nguyễn Thị Bích T1 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (P1) do T chỉ định, rồi Á bán lại cho B với số tiền tương ứng 3.5% trên tổng số tiền hóa đơn chưa VAT với giá 9.027.000 đồng, Á thu lợi được số tiền 2.577.000 đồng.

Nguyễn Trọng T khai nhận: 10 số hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên đã bán cho Â là mua của tài khoản tên “Nguyễn L4” thông qua ứng dụng telegram (không rõ nhân thân lai lịch) với giá tương ứng 1.5% trên tổng số tiền hóa đơn chưa tính thuế VAT là 3.869.070 đồng. T sử dụng tài khoản ngân hàng số 07086013077779, tên Nguyễn Trọng T mở tại Ngân hàng M chuyển tiền mua 10 số hóa đơn trên cho “Nguyễn Lâm” vào tài khoản ngân hàng số 108000824221 tên PHAM THI PHUONG THAO mở tại Ngân hàng P1 (hộ khẩu thường trú tại 2 H, phường L, Thành phố N, Khánh Hòa) do “Nguyễn L4” chỉ định với số tiền 766.000 đồng, số tiền còn lại T nợ chưa chuyển. Sau đó T bán lại cho Â 10 số hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên với giá tiền 6.448.450 đồng và nhận tiền từ Â vào tài khoản ngân hàng S, tên Nguyễn Thị Bích T1 (có hộ khẩu thường trú D2/38A, Ấp D, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh), T khai nhận T nhờ T1 là em họ nhận tiền dùm và chuyển lại cho T, T1 không biết đây là tiền mua bán trái phép hóa đơn.

Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 (Công ty T4), mã số thuế: 0317881375, địa chỉ: B, N, Ấp B, xã T, huyện B, người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú: A, xã T, huyện K, Sóc Trăng. Kết quả xác minh: Không có thông tin Nguyễn Thị D là người đại diện theo pháp luật của Công ty T4. Kết quả xác minh Diên vắng mặt tại địa phương và không có thông tin công dân trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia.

Ngày 18/10/2023, Chi cục Thuế huyện B có thông báo số 14216/TB-CCTBC xác định Công ty T4 không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, không có nhân viên, kho hàng.

Vật chứng vụ án:

- 10 số hóa đơn giá trị gia tăng, ký hiệu hóa đơn là C23TYYY, số hóa đơn: 1026, 1260, 1414, 1465, 1499, 1613, 1650, 1657, 1759, 1816 được lưu giữ cùng hồ sơ vụ án;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax thu giữ của Nguyễn Trọng T, sử dụng vào việc mua bán trái phép hóa đơn.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu MagicOS thu giữ của Nguyễn Văn B sử dụng vào việc mua bán trái phép hóa đơn.

- Số tiền 2.600.000 đồng, là số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán hóa đơn do Nguyễn Ngọc Â tự nguyện giao nộp.

- Số tiền 6.500.000 đồng, là số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán hóa đơn do Nguyễn Trọng T tự nguyện giao nộp.

- 03 đĩa DVD ghi âm ghi hình lời khai của B, Â và T, lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 108/CT-VKS ngày 04/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Ngọc Â và Nguyễn Trọng T về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành

phổ Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 203 và điểm i, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 06 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng. Phạt bổ sung bị cáo B số tiền 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 203 và điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T từ 06 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng. Phạt bổ sung bị cáo T số tiền 15.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 203 và điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Á từ 06 tháng đến 01 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo Á số tiền 15.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Đồng thời, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi như Cáo trạng đã truy tố, các bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố đúng, không oan, sai; các bị cáo rất ăn năn hối hận; các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét thấy lời khai nhận tội tại phiên tòa của các bị cáo Nguyễn Văn B, bị cáo Nguyễn Ngọc Á, bị cáo Nguyễn Trọng T phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng của vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Để hợp thức hóa nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa là đồng phục học sinh được mua trôi nổi trên thị trường, làm tăng chi phí đầu vào giảm số thuế phải nộp. Từ ngày 09/8/2023 đến ngày 24/9/2023, bị cáo Nguyễn Văn B là người đại diện theo pháp luật của Công ty T5 đã mua 10 số hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty T4 (ký hiệu hóa đơn là C23TTY, các số hóa đơn: 1026, 1260, 1414, 1465, 1499, 1613, 1650, 1657, 1759, 1816) có tổng giá trị hóa đơn chưa thuế 257.938.000 đồng, tiền thuế giá trị gia tăng là 20.635.040 đồng, tổng số tiền sau thuế là 278.573.040 đồng từ bị cáo Nguyễn Ngọc Á với số tiền 9.027.000 đồng để kê

khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Bị cáo A mua 10 hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên từ bị cáo Nguyễn Trọng T với số tiền 6.448.450 đồng và bán lại cho bị cáo B với số tiền 9.027.000 đồng, thu lợi bất chính 2.577.000 đồng. Bị cáo T mua 10 hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên từ tài khoản telegram tên “Nguyễn L4” (không rõ nhân thân lai lịch) với số tiền 3.869.070 đồng và bán lại cho bị cáo A với số tiền 6.448.000 đồng, thu lợi bất chính 2.579.380 đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Trọng T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” đối với 10 hóa đơn mua bán trái phép, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Các bị cáo biết rõ hành vi mua bán trái phép hóa đơn là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ của Nhà nước, đồng thời xâm phạm đến hoạt động quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc xét xử nghiêm minh hành vi phạm tội này của các bị cáo là cần thiết, với mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Trọng T đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Trong quá trình công tác, bị cáo Nguyễn Văn B có thành tích xuất sắc nhiều năm liền được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền các cấp tặng nhiều bằng khen, giấy khen là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Bị cáo Nguyễn Văn B và bị cáo Nguyễn Trọng T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân tốt và từ khi tại ngoại đến nay các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo B và bị cáo T

được hưởng án treo là phù hợp theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[7]. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Á đã bị tạm giam một thời gian nhất định từ ngày 19/11/2024 đến nay đã có tác dụng để răn đe giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo với mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8]. Các bị cáo phạm tội nhằm thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo để nộp ngân sách nhà nước.

[9]. Đối với Nguyễn Thị D là người đại diện theo pháp luật của Công ty T4, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã xác minh nhân thân lai lịch nhưng không xác định được hiện nay ở đâu để làm rõ vai trò liên quan nên đã ra Quyết định truy tìm, khi nào làm rõ xem xét xử lý sau.

[10]. Đối với tài khoản Telegram tên “Nguyễn L4” đã bán 10 số hóa đơn giá trị gia tăng cho bị cáo T; Bà Phạm Thị Phương T2 là người đứng tên chủ sở tài khoản ngân hàng S1 mở tại Ngân hàng P1 đã nhận tiền mua 10 số hóa đơn giá trị gia tăng trên từ tài khoản Ngân hàng của bị cáo Nguyễn Trọng T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không xác minh được nhân thân lai lịch nên không có cơ sở xem xét xử lý, khi nào làm rõ xem xét xử lý sau.

[11]. Đối với bà Nguyễn Thị Bích T1, là người đứng tên chủ tài khoản Ngân hàng số 10600139190, mở tại Ngân hàng P1 đã nhận tiền từ việc bán 10 hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên. Bà T1 không biết việc bị cáo T sử dụng số tài khoản ngân hàng của bà T1 để mua bán trái phép hóa đơn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không xem xét xử lý là có căn cứ.

[12]. Đối với bà Nguyễn Thị N4, là người được ủy quyền đăng ký thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 chỉ là người làm dịch vụ đăng ký doanh nghiệp, không biết và không liên quan đến việc mua bán trái phép hóa đơn nêu trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không xem xét xử lý.

[13]. Về xử lý vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax thu giữ của bị cáo Nguyễn Trọng T sử dụng vào việc mua bán trái phép hóa đơn. Đây là công cụ, phương tiện dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu MagicOS thu giữ của Nguyễn Văn B sử dụng vào việc mua bán trái phép hóa đơn. Đây là công cụ, phương tiện dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Số tiền 2.600.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán hóa đơn do Nguyễn Ngọc Á tự nguyện giao nộp nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Số tiền 6.500.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán hóa đơn do Nguyễn Trọng T tự nguyện giao nộp nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- 10 sổ hóa đơn giá trị gia tăng, ký hiệu hóa đơn là C23TYY, số hóa đơn: 1026, 1260, 1414, 1465, 1499, 1613, 1650, 1657, 1759, 1816 tiếp tục được lưu giữ cùng hồ sơ vụ án;

- 03 đĩa DVD ghi âm ghi hình lời khai của các bị cáo B, Á và T tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

[14]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng. Hội đồng xét xử cũng chấp nhận ý kiến của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 203; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 35, Điều 50, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn B số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 50, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, quận C, Thành phố Cần Thơ giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Trọng T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Â 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/11/2024.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Ngọc Â số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu và nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax thu giữ của bị cáo Nguyễn Trọng T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MagicOS thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn B; số tiền 2.600.000 đồng thu lợi bất chính do Nguyễn Ngọc Â nộp; số tiền 6.500.000 đồng thu lợi bất chính do bị cáo Nguyễn Trọng T nộp.

Các vật chứng này hiện đang giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định chuyển vật chứng số 74/QĐ-VKS ngày 25/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh và Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 28/02/2025 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Đối với tổng số tiền 9.100.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã nộp ngày 05/02/2025 vào tài khoản 6440203000010 của Kho bạc Nhà nước B1 mở tại Ngân hàng N5 - Chi nhánh Nam Thành phố H.

- Tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án: 10 sổ hóa đơn giá trị gia tăng, ký hiệu hóa đơn là C23TYYY, số hóa đơn: 1026, 1260, 1414, 1465, 1499, 1613, 1650, 1657, 1759, 1816; 03 đĩa DVD ghi âm ghi hình lời khai của các bị cáo B, Â và T.

5. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

6. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo được hưởng án treo).

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- Phòng hồ sơ (PV06) – Công an TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa - Phân trại tạm giam khu vực Huyện Bình Chánh;
- Lưu: Vp, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Việt